

Bản án số: 145/2020/HSST

Ngày: 11 - 11 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Diệu Hoa;

- Ông Lê Nguyên Khánh;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, thành phố H

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố H tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Huy Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, TP. H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 146/2020/HSST ngày 12 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2020/QĐXXST-HS ngày 27/10/2020 đối với các bị cáo:

1. *Võ Hoàng S*; sinh năm 1990, tại: TP. H; Hộ khẩu thường trú: 32/53/41/30 đường H V C, phường P T, quận T, TP. H; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 05/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ N L, sinh năm: 1954 và bà Lê T P, sinh năm: 1958; Vợ: Nguyễn Thị T L, sinh năm 1991 (đã ly hôn); Có 01 người con sinh năm 2012.

- Nhân thân: ngày 21/9/2009 bị Tòa án nhân dân quận 11, TP. H xử phạt 06 tháng 15 ngày tù về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; ngày 25/02/2014 bị Tòa án nhân dân quận T, TP. H xử phạt 03 năm tù về tội: “*Cướp giật tài sản*”.

- T án, T sự: không.

- Bị bắt tạm giam: ngày 28/4/2020. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an quận T, TP. H và có mặt tại phiên tòa.

2. *Nguyễn T T*; sinh năm 1990, tại: T N; Hộ khẩu thường trú: 32/53/41/30 đường H V C, phường P T, quận T, TP. H; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn V X, sinh năm 1970 và bà Nguyễn K P, sinh năm: 1972; Chồng: Võ M H, sinh năm 1987; Có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019).

- T án, T sự: không.
- Bị cáo hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

Chị Đặng Thị M D, sinh năm 2000; trú tại: 61/33 đường L T H, phường T C H, quận 12, TP. H (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Võ Thị P, sinh năm: 1968; trú tại: 277/23/18 đường số 6, phường B H H, quận B T, TP. H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 29/4/2019, Nguyễn T T nhờ em chồng là Võ Hoàng S chở đi đến Quận 6 để làm mẫu tóc cho khách thực tập trang điểm và làm tóc, S đồng ý. S điều khiển xe máy Honda Wave, biển số 59D1-658.92 chở T ngồi sau đi từ nhà số 32/53/41/30 H V C, phường P T, quận T. Lúc này, S nảy sinh ý định cướp giật tài sản nên chạy vòng vòng qua các tuyến đường trên địa bàn quận T để tìm tài sản cướp giật, trên đường đi S rủ T cướp giật tài sản nhưng T không đồng ý và vẫn ngồi sau xe để S chở. Khoảng 14 giờ 45 phút cùng ngày, khi đi đến đường T H Đ, phường T S N, quận T S phát hiện chị Đặng Thị M D và chị Thái Trần G H đang đứng cạnh xe máy dừng trước nhà số 18 đường T H Đ, xe dựng dưới lòng đường và chị D có để 01 cái bóp màu xanh, hiệu J V101 ở trên бага phía sau xe. S rủ T cướp giật cái bóp của chị D nhưng T không đồng ý, T nói: *“thôi, đường này ghê lắm, dễ bị bắt lắm, đừng giật”*, S chạy qua khoảng 5m thì quay đầu xe lại, S điều khiển xe máy chở T áp sát vào đuôi xe máy của chị D và S dùng tay trái giật cái bóp trên бага phía sau xe. Trên đường bỏ chạy khoảng 20m - 30m S đưa cái bóp vừa giật được cho T, T cất cái bóp vào bên trong áo khoác. Sau đó chị D đến Công an phường T S N trình báo sự việc.

Sau khi giật tài sản của chị D, S chở T tiếp tục lưu thông đến trước nhà số 02 H L, phường 11, quận T B thì S phát hiện chị Võ Thị K C trên cổ có đeo một sợi dây chuyền vàng đang đứng cùng anh Nguyễn Văn C, S chỉ cho T thấy và rủ T cướp giật dây chuyền của chị C nhưng T không đồng ý. S điều khiển xe chở T ngồi phía sau, quay đầu xe lại áp sát chị C, S dùng tay phải giật đứt sợi dây chuyền của chị C rồi tăng ga xe chở T tẩu thoát. Khi chạy đến trước nhà số 49 đường B T M, phường 10, quận T B thì xe của S đụng vào người đi đường nên té ngã, S dựng xe lên tiếp tục bỏ chạy, còn T bị quần chúng nhân dân bắt giữ cùng tang vật và thông báo cho Công an quận T xử lý.

Theo kết luận định giá tài sản số 562 ngày 01/04/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận T, tại thời điểm bị Cầm đoạt, cái bóp màu xanh hiệu J V101 có trị giá là 200.000 đồng.

Vật chứng:

- 01 cái bóp hiệu J V101 bên trong có: Tiền Việt nam 950.000 đồng; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy đăng ký xe gắn máy biển số 59G2-44406, 01 giấy phép lái xe, tất cả giấy tờ trên đều mang tên Đặng Thị M D. Hiện đã trao trả cho chị D.

- 01 xe gắn máy Honda loại Wave màu đỏ-đen, biển số: 59D1-65892, số khung RRTVCH3CX51008109, số máy VTMAR150FMHA-007681 là phương tiện S chở T dùng đi cướp giật tài sản. Qua xác minh xe gắn máy Honda loại Wave màu đỏ-đen, biển số: 59D1-65892 do Võ Thị P đứng tên sở hữu, chị P có quan hệ là cô của Võ Hoàng S, ngày 29/4/2019 chị P để xe gắn máy trên ở nhà thì S và T lấy sử dụng, việc S, T sử dụng xe gắn máy làm phương tiện để cướp giật tài sản thì chị P không biết. Do đó Cơ quan điều tra đã trao trả xe gắn máy trên cho chị P.

- 01 điện thoại di động Nokia 1208, số IMEI: 351931/03/96333912; 01 sim điện thoại Mobifone 4G số 8401-1808-5110-9809 WD; 01 sim điện thoại Viettel 4G số 8984-04800-0025032767, điện thoại và sim là của T mua để sử dụng làm phương tiện liên lạc.

- 01 áo sơ mi màu đỏ hiệu T-men; 01 quần vải ngắn màu xanh chấm bi lưng thun có chữ Lee; 01 nón bảo hiểm màu hồng có chữ Cromo (đồ do S mặc khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản).

Các vật chứng nêu trên hiện đang nhập kho theo Lệnh nhập kho vật chứng số 148 ngày 06/5/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T.

Tại bản Cáo trạng số: 120/CT-VKSQ.TP ngày 21 tháng 08 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân quận T, TP. H đã truy tố bị cáo Võ Hoàng S về tội: “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015. Truy tố bị cáo Nguyễn T T về tội: “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên Tòa:

- Sau khi kết thúc phần thủ tục xét hỏi, Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Võ Hoàng S từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn T T từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý phân trách nhiệm dân sự và vật chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Nên đã có đủ cơ sở để xác định: bị cáo Võ Hoàng S là người nghiện ma túy, do cần T tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu cá nhân, nên vào khoảng 14 giờ 45 phút ngày 29/4/2020 Võ Hoàng S điều khiển xe máy chở Nguyễn T T ngồi sau. Khi đến trước nhà số 18 đường T H Đ, phường T S N, quận T, TP. H. S phát hiện chị Đặng Thị M D đang đứng cạnh xe máy dừng trước nhà số 18 đường T H Đ, xe dựng dưới lòng đường và chị D có để 01 cái bóp màu xanh, hiệu J V101 ở trên бага phía sau xe. S rủ T cướp giật cái bóp của chị D nhưng T không đồng ý, S chạy qua khoảng 5m thì quay đầu xe lại, S điều khiển xe máy chở T áp sát vào đuôi xe máy của chị D và S dùng tay trái giật cái bóp trên бага phía sau xe. Trên đường bỏ chạy khoảng 20m - 30m S đưa cái bóp vừa giật được cho T, T cất cái bóp vào bên trong áo khoát.

Hành vi của bị cáo Võ Hoàng S đã phạm vào tội: “*Cướp giật tài sản*” với tình tiết tăng nặng định khung “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015. Đối với bị cáo Nguyễn T T khi được S rủ cướp giật cái bóp của chị D nhưng T không đồng ý nên một mình S thực hiện hành vi cướp giật cái bóp. Sau khi cướp giật xong và trên đường bỏ chạy thì S đưa cái bóp cho T cất giữ. Bản thân T không hứa hẹn, bàn bạc, thỏa thuận trước với S nhưng vẫn đồng ý cất giữ cái bóp cho S. Do đó, T phải chịu trách nhiệm về hành vi Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có. Tổng trị giá tài sản: 1.150.000 đồng (trị giá 01 cái bóp: 200.000 đồng; 950.000 đồng tiền Việt Nam).

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận T, TP. H đã truy tố bị cáo Võ Hoàng S về tội: “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015. Truy tố bị cáo Nguyễn T T về tội: “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Do đó, cần thiết phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do các bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; Tài sản đã kịp thu hồi và trao trả đầy đủ cho người bị hại nên hành vi phạm tội của các bị cáo gây thiệt hại không lớn. Các tình tiết giảm nhẹ nêu trên được quy định tại điểm h,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Riêng bị cáo Nguyễn T T còn được hưởng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Do bị cáo Nguyễn T T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Quá trình điều tra đã tiến hành trao trả cho người bị hại chị Nguyễn Thị M D 01 cái bóp hiệu J V101 bên trong có: 950.000 đồng Tiền Việt Nam; 01 Chứng minh nhân dân; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy; 01 giấy phép lái xe. Chị D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 cái bóp hiệu J V101 bên trong có: Tiền Việt nam 950.000 đồng; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy đăng ký xe gắn máy biển số 59G2-44406, 01 giấy phép lái xe, tất cả giấy tờ trên đều mang tên Đặng Thị M D. Cơ quan điều tra đã trao trả cho chị D là phù hợp.

- Đối với 01 xe gắn máy Honda loại Wave màu đỏ-đen, biển số: 59D1-65892, số khung RRTVCH3CX51008109, số máy VTMAR150FMHA-007681 là phương tiện S chở T dùng đi cướp giật tài sản. Qua xác minh xe gắn máy Honda loại Wave màu đỏ-đen, biển số: 59D1-65892 do Võ Thị P đứng tên sở hữu, chị P có quan hệ là cô của Võ Hoàng S, ngày 29/4/2019 chị P để xe gắn máy trên ở nhà thì S và T lấy sử dụng, việc S, T sử dụng xe gắn máy làm phương tiện để cướp giật tài sản thì chị P không biết. Do đó Cơ quan điều tra đã trao trả xe gắn máy trên cho chị P là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động Nokia 1208, số IMEI: 351931/03/96333912; 01 sim điện thoại Mobifone 4G số 8401-1808-5110-9809 WD; 01 sim điện thoại Viettel 4G số 8984-04800-0025032767, điện thoại và sim là của T mua để sử dụng làm phương tiện liên lạc. Xét thấy, không liên quan đến việc phạm tội, Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc Thi hành án đối với phần án phí Hình sự sơ thẩm.

- Đối với 01 áo somi màu đỏ hiệu T-men; 01 quần vải ngắn màu xanh chàm bi lưng thun có chữ Lee; 01 nón bảo hiểm màu hồng có chữ Cromo (đồ do

S mặc khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản). Tại phiên tòa, S không yêu cầu nhận lại. Xét không còn giá trị sử dụng, nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Các vật chứng nêu trên hiện đang nhập kho theo Lệnh nhập kho vật chứng số 148 ngày 06/5/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T.

[8] *Án phí*: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố bị cáo Võ Hoàng S phạm tội "*Cướp giật tài sản*". Bị cáo Nguyễn T T phạm tội: "*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*".

[2] Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

[3] Xử phạt bị cáo Võ Hoàng S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.
Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 28/4/2020.

[4] Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h,s,i khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015;

[5] Xử phạt bị cáo Nguyễn T T 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 11/11/2020).

Giao bị cáo Nguyễn T T cho UBND phường P T, quận T, TP. H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo”.

[6] Xử lý vật chứng: áp dụng khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động Nokia 1208, số IMEI: 351931/03/96333912; 01 sim điện thoại Mobifone 4G số 8401-1808-5110-9809 WD; 01 sim điện thoại Viettel 4G số 8984-04800-0025032767 của bị cáo Nguyễn T T để đảm bảo cho việc Thi hành án đối với phần án phí Hình sự sơ thẩm.

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi màu đỏ hiệu T-men; 01 quần vải ngắn màu xanh chàm bi lưng thun có chữ Lee; 01 nón bảo hiểm màu hồng có chữ Cromo (đồ do S mặc khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản).

Các vật chứng nêu trên hiện đang nhập kho theo Lệnh nhập kho vật chứng số 148 ngày 06/5/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T.

[7] Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Võ Hoàng S, Nguyễn T T. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Các bị cáo Võ Hoàng S, Nguyễn T T có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân thành phố H. Người Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Nguyễn T T).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND TP.H;
- VKSND Q.T;
- THADS quận T;
- Công an Q.T;
- Công an TP.H;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- UBND phường P T;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Đức Thành